

Số: 02/2015/TT-BNV

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2015

TRUNG TÂM THÔNG TIN

ĐẾN

Số: 20.6.... Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ
Ngày: 25/3/2015 chuyên môn các ngạch công chức quản lý thị trường

Chuyên:

THÔNG TƯ

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 10/CP ngày 23 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Quản lý thị trường; Nghị định số 27/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/CP ngày 23 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ Công Thương tại văn bản số 10945/BCT-TCCB ngày 04 tháng 11 năm 2014 về việc ban hành chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức quản lý thị trường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức – Viên chức;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức quản lý thị trường.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức quản lý thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với công chức chuyên ngành quản lý thị trường làm việc tại Cục Quản lý thị trường, Bộ Công Thương và Chi cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Các chức danh và mã số ngạch công chức quản lý thị trường, bao gồm:

- | | |
|--|----------------------|
| 1. Kiểm soát viên chính thị trường | Mã số ngạch: 21.188; |
| 2. Kiểm soát viên thị trường | Mã số ngạch: 21.189; |
| 3. Kiểm soát viên trung cấp thị trường | Mã số ngạch: 21.190. |

Điều 4. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và thực hiện theo các quy định của pháp luật khác liên quan đến chuyên ngành quản lý thị trường.

Chương II

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Điều 5. Ngạch kiểm soát viên chính thị trường (mã số ngạch 21.188)

1. Chức trách

Là công chức có chuyên môn nghiệp vụ cao trong lĩnh vực quản lý thị trường, thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường tại Cục Quản lý thị trường, Chi cục Quản lý thị trường và Đội quản lý thị trường hoặc trực tiếp kiểm tra, kiểm soát thị trường đối với những vụ việc có quy mô lớn, tính chất phức tạp liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực và địa phương thuộc thẩm quyền của Cục Quản lý thị trường, Chi cục Quản lý thị trường và Đội quản lý thị trường.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, chế độ, chính sách; xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý thị trường trong phạm vi toàn quốc hoặc cấp tỉnh;

b) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng quy định, quy chế quản lý nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực quản lý thị trường;

c) Tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách, chuyên môn nghiệp vụ; đề xuất các biện pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực quản lý thị trường hoặc ở cơ quan từ cấp huyện trở lên;

d) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý thị trường; xây dựng báo cáo, thống kê, quản lý hồ sơ lưu trữ, thực hiện quy trình nghiệp vụ; tổng hợp, đánh giá, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý của ngành;

đ) Chủ trì nghiên cứu những đề tài, đề án về quản lý nghiệp vụ, cải tiến nội dung và nâng cao hiệu quả phương pháp quản lý;

e) Trực tiếp thực thi công vụ và các nhiệm vụ khác được cấp trên giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước; hệ thống chính trị, hệ thống tổ chức các cơ quan nhà nước, chế độ công vụ công chức và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý thị trường;

b) Chủ trì, tổ chức xây dựng hoàn thiện thể chế; chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện; xây dựng các đề án, dự án, chương trình công tác; đánh giá tác động về kinh tế, xã hội đối với các chính sách chuẩn bị ban hành;

c) Thành thạo kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính theo đúng thể thức, quy trình, thủ tục và thẩm quyền; trình bày và bảo vệ được các ý kiến, nội dung đề xuất; giải quyết tốt các nhiệm vụ được giao theo dõi, quản lý;

d) Tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực quản lý thị trường; thực hiện đề xuất các biện pháp kiểm tra, đánh giá;

d) Tổ chức phối hợp, tổ chức kiểm tra, tổng kết thực thi chính sách theo ngành, lĩnh vực quản lý thị trường;

e) Nắm vững được tình hình và xu thế phát triển ngành, lĩnh vực quản lý thị trường trong nước và thế giới; tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

g) Đối với công chức dự thi nâng ngạch kiểm soát viên chính thị trường thì phải là người đã chủ trì xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật hoặc chủ trì nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

h) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ về quản lý thị trường hoặc trong hoạt động lãnh đạo quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm soát viên chính thị trường phải có thời gian giữ ngạch kiểm soát viên thị trường hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm soát viên thị trường tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm soát viên chính thị trường;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 6. Kiểm soát viên thị trường (mã số ngạch 21.189)

1. Chức trách

Là công chức thực thi các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ cơ bản trong lĩnh vực quản lý thị trường, giúp lãnh đạo, quản lý của Cục Quản lý thị trường, Chi cục Quản lý thị trường hoặc đội quản lý thị trường để tham mưu hoặc trực

tiếp kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, các quy định cụ thể để triển khai nhiệm vụ quản lý thuộc ngành, lĩnh vực quản lý thị trường; tham gia xây dựng cơ chế, các quyết định cụ thể của từng nội dung quản lý theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế;

b) Nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý các vấn đề cụ thể; phối hợp với các đồng nghiệp thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, phát hiện, kiểm tra và xử lý các vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị với cấp có thẩm quyền các biện pháp hành chính để phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm; chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định xử lý và kiến nghị của mình;

c) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo kịp thời việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm theo quy định;

d) Nghiên cứu, xây dựng và kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật và các biện pháp hành chính nhằm tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo việc tuân thủ theo pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được đường lối, chủ trương chính sách chung; nắm vững phương hướng, chủ trương, chính sách về quản lý thị trường và các lĩnh vực liên quan;

b) Nắm vững các kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật của quản lý thị trường và lĩnh vực liên quan;

c) Nắm vững các mục tiêu, đối tượng quản lý, các hệ thống nguyên tắc, cơ chế quản lý thị trường và những hệ thống có liên quan;

d) Biết xây dựng phương án, kế hoạch, các thể loại văn bản hành chính, thông thạo ghi chép ấn chỉ quản lý thị trường và thủ tục hành chính nhà nước;

đ) Am hiểu thực tiễn sản xuất, kinh doanh, đời sống xung quanh trên địa bàn được phân công và xu thế phát triển công tác quản lý thị trường trong nước;

e) Có khả năng tổng hợp, hướng dẫn, triển khai công tác kiểm tra kiểm soát thị trường, tổ chức phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan và khả năng tổ chức làm việc độc lập;

g) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm soát viên thị trường phải có thời gian giữ ngạch kiểm soát viên trung cấp thị trường hoặc tương đương tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm soát viên thị trường;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 7. Kiểm soát viên trung cấp thị trường (mã số ngạch 21.190)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành Quản lý thị trường, có trách nhiệm giúp việc lãnh đạo quản lý hoặc hỗ trợ, phục vụ cho công chức quản lý thị trường ở ngạch cao hơn và thực hiện một số nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát thị trường theo sự phân công, chỉ đạo của cấp trên trực tiếp.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia, hỗ trợ, phục vụ cho việc triển khai các hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường trên lĩnh vực hoặc địa bàn được phân công;

b) Thực hiện việc kiểm tra hoặc hỗ trợ, giúp việc cho người có thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh dịch vụ thương mại trên địa bàn được phân công;

c) Tham gia giúp việc cho người có thẩm quyền kiểm tra, tìm kiếm tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đảm bảo tuân thủ quy trình nghiệp vụ để phát hiện vi phạm và báo cáo cấp thẩm quyền xử lý theo quy định;

d) Tham gia, thực hiện việc ghi chép ấn chỉ, thiết lập hồ sơ vụ việc vi phạm, thống kê, tổng hợp tình hình, số liệu theo chỉ đạo của cấp trên phục vụ công tác kiểm tra, xử lý vi phạm;

đ) Bảo quản tang vật, phương tiện bắt giữ, lưu giữ hồ sơ vụ việc và chuyển giao tài liệu, hồ sơ vụ việc theo quy định;

e) Phát hiện, đề xuất các giải pháp để kịp thời điều chỉnh những thiếu sót trong quá trình thực thi công vụ; chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của công chức ngạch trên.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được các nguyên tắc, chế độ, thể lệ, thủ tục liên quan đến lĩnh vực kiểm tra, kiểm soát quản lý thị trường, chủ trương của lãnh đạo trực tiếp;

b) Nắm chức các nguyên tắc, trình tự, thủ tục nghiệp vụ của Đội Quản lý thị trường, Chi cục Quản lý thị trường và thẩm quyền quy định cho kiểm soát viên thị trường, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường;

c) Hiểu được những kiến thức về quy trình, nghiệp vụ, trình tự, thủ tục kiểm tra, kiểm soát thị trường và pháp luật xử lý vi phạm hành chính; biết phân tích, tổng hợp và đề xuất các biện pháp quản lý hoặc xử lý các vụ việc vi phạm trong phạm vi được phân công;

d) Dự thảo được các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ và tham gia triển khai theo đúng chỉ đạo của cấp trên.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp Trung cấp dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm soát viên trung cấp thị trường;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Quy định chuyển tiếp về ngạch nhân viên kiểm soát thị trường

1. Các Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không tuyển dụng công chức ngạch nhân viên kiểm soát thị trường kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.

2. Công chức giữ ngạch nhân viên kiểm soát thị trường trước đây được thực hiện các chế độ, chính sách như hiện nay trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Thông tư có hiệu lực. Đối với công chức quản lý thị trường hiện đang giữ ngạch nhân viên kiểm soát thị trường tính đến ngày Thông tư có hiệu lực có tuổi đời dưới 55 tuổi đối với nam và dưới 50 tuổi đối với nữ, cơ quan sử dụng công chức phải bố trí cho công chức học tập nâng cao trình độ để đủ tiêu chuẩn của ngạch công chức quản lý thị trường cao hơn; nếu công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện ở ngạch kiểm soát viên trung cấp thị trường thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức để xem xét, quyết định bổ nhiệm vào ngạch kiểm soát viên trung cấp thị trường; nếu công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện ở ngạch kiểm soát viên thị trường thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức xem xét để công chức được dự thi nâng lên ngạch kiểm soát viên thị trường theo quy định. Trường hợp công chức được cử đi học tập nâng cao trình độ mà không tham gia học tập hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức xem xét bố trí lại công tác hoặc thực hiện tinh giản biên chế.

3. Công chức quản lý thị trường hiện đang giữ ngạch nhân viên kiểm soát thị trường tính đến ngày Thông tư có hiệu lực có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ khi không có nhu cầu hoặc không được cử đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn được bảo lưu chế độ, chính sách của ngạch nhân viên kiểm soát thị trường cho đến tuổi nghỉ hưu.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức quản lý thị trường là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức chuyên ngành quản lý thị trường.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2015.
2. Bãi bỏ các quy định sau:


a) Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch kiểm soát viên trung cấp thị trường, kiểm soát viên thị trường, kiểm soát viên chính thị trường, kiểm soát viên cao cấp thị trường quy định tại Quyết định 587 TM/TCCB ngày 12 tháng 7 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành thương mại;

b) Điều 1 Quyết định số 77/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành mã số các ngạch công chức chuyên ngành quản lý thị trường và một số ngạch viên chức ngành văn hóa - thông tin;

c) Quyết định số 64/2005/QĐ-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành bổ sung chức danh và mã số ngạch nhân viên kiểm soát thị trường.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

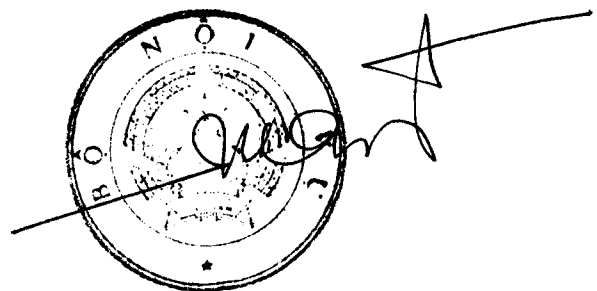
1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết. /: 

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của TW Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ;
- Trang thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Vụ CCVC (20 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Anh Tuấn